

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/KDTM-PT

Ngày 27-06-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
thực hiện nghĩa vụ tài sản do
người chết để lại, vô hiệu hợp
đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp
tài sản, văn bản công chứng và
hợp đồng mua bán nợ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Võ Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, vô hiệu hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, văn bản công chứng và hợp đồng mua bán nợ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/KDTM-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng E. Địa chỉ trụ sở chính: Số 24B đường T, Phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng E: Ông Bùi Khánh L - Cán bộ Phòng Xử lý tranh chấp.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H (đã chết vào ngày 29/12/2018). Địa chỉ trụ sở: 308 P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Văn M:

1. Bà Phạm Hồng N, sinh năm 1957. Địa chỉ cư trú: Số 283 đường P, Khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

2. Ông Đinh Hồng P, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Số 270 đường Đường P, Khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

3. Ông Đinh Hồng Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Số 283 đường P, Khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

4. Bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Số 1619/60 đường P1, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M: Ông Võ Khắc C, sinh năm 1954. Địa chỉ cư trú: Số 64, Tổ 1, Hương lộ 3, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2019). (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Hồng N, sinh năm 1957.

2. Ông Đinh Hồng Đ, sinh năm 1978 (có yêu cầu độc lập);

3. Bà Đặng Thị Châu P1, sinh năm 1979 (có yêu cầu độc lập).

Cùng địa chỉ cư trú: Số 283 đường P, Khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông Đ, bà P: Ông Võ Khắc C, sinh năm 1954. Địa chỉ cư trú: Số 64, Tổ 1, Hương lộ 3, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 17/3/2015). (Có mặt).

4. Ông Đinh Hồng P, sinh năm 1976 (có yêu cầu độc lập);

5. Bà Hồ Thị Ngọc N1, sinh năm 1976 (có yêu cầu độc lập).

Cùng địa chỉ cư trú: Số 270 đường P, Khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1: Ông Đinh Hồng P, sinh năm 1976 (theo Văn bản ủy quyền ngày 20/4/2015). (Có mặt).

6. Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An. Địa chỉ trụ sở: Số 330A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, Thành phố T, tỉnh Long An (nay là Văn phòng công chứng Phạm Thị H. Địa chỉ trụ sở: Số 12-14 đường T, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An).

Người đại diện theo pháp luật của Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An: Bà Phạm Thị H – Trưởng văn phòng. (Vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị C1 - Công chứng viên Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An. (Vắng mặt).

8. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Long An. Địa chỉ trụ sở: Số 137 Quốc lộ 1A, Phường 4, Thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Long An:
Ông Lê Thành Đ1 - Trưởng phòng Phòng đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo Văn bản ủy quyền số 2603/VPĐKĐĐ –HCTH ngày 17/11/2022). (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đinh Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 09/10/2014 của nguyên đơn Ngân hàng E và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của ông Nguyễn Trọng Đại là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có nội dung như sau:

Ông Đinh Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H (viết tắt là DNTN H) đã ký với Ngân hàng E đồng tín dụng số 2000 – LAV – 201203643 vào ngày 06/8/2012 và Biên bản sửa đổi bổ sung số 01 vào ngày 11/9/2013 để vay số tiền 3.000.000.000đ.

- Lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân là lãi suất cho vay do E công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân.

- Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần đối với cho vay VND kể từ ngày Hợp đồng tín dụng này có hiệu lực.

- Lãi suất quá hạn: 150% mức lãi suất cho vay

- Phạt vi phạm do chậm trả lãi: [Số tiền lãi chậm trả x Lãi suất phạt (150% lãi suất cho vay trong hạn (lãi suất năm)) x số ngày chậm trả lãi] : 360.

Mục đích của từng lần cấp vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ.

Thực hiện hợp đồng trên, Ngân hàng E đã giải ngân cho DNTN H như sau:

- Số tiền 277.800.000đ theo Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000-LDS-201318824 ngày 16/9/2013, lịch trả nợ gốc ngày 16/3/2014.

- Số tiền 627.480.000đ theo Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000-LDS-201320523 ngày 07/10/2013, lịch trả nợ gốc ngày 07/4/2014.

- Số tiền 95.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000-LDS-201323643 ngày 14/11/2013, lịch trả nợ gốc ngày 13/5/2014.

- Số tiền 947.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000-LDS-201325089 ngày 29/11/2013, lịch trả nợ gốc ngày 29/5/2014.

- Số tiền 550.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000-LDS-201327335 ngày 30/12/2013, lịch trả nợ gốc ngày 30/6/2014.

- Số tiền 472.500.000đ theo Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000-LDS-201402107 ngày 08/02/2014, lịch trả nợ gốc ngày 08/8/2014.

Tất cả các khoản nợ nêu trên đều trả lãi hàng tháng vào ngày 20.

Đề đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trên, các ông bà (chủ tài sản) đã thế chấp/cầm cố cho Ngân hàng E các tài sản cụ thể như sau:

- Ông Đinh Văn M và bà Phạm Hồng N đã thế chấp/cầm cố quyền sử dụng đất (viết tắt là QSDĐ) diện tích 700m² thửa số 1732, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 391/EIBSGD1-TDDN/TCTS/2012 ngày 16/8/2012, Biên bản sửa đổi bổ sung số 01 ngày 11/9/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An ngày 16/8/2012, số công chứng 5261 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 3512, ngày 16/8/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B.

- Ông Đinh Hồng P và bà Hồ Thị Ngọc N1 đã thế chấp/cầm cố QSDĐ diện tích 512m² thửa số 429, tờ bản đồ số 3 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà có diện tích xây dựng 58,1m², tọa lạc tại số 270 Đường P, khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (số cũ là số 58/5 ấp X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An) theo Hợp đồng thế chấp QSDĐ tài sản gắn liền với đất số 392/EIBSGD1-TDDN/BLTS/2012 ngày 16/8/2012, Biên bản sửa đổi bổ sung số 01 ngày 11/9/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An ngày 16/8/2012, số công chứng 5258 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 3515 ngày 16/8/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B.

- Ông Đinh Hồng Đ và bà Đặng Thị Châu P1 đã thế chấp/cầm cố QSDĐ diện tích 353,8m² thửa đất số 20, tờ bản đồ số 119, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp QSDĐ (hợp đồng bảo lãnh) số 393/EIBSGD1-TDDN/BLTS/12 ngày 16/8/2012, Biên bản sửa đổi bổ sung số 01 ngày 11/9/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An ngày 16/8/2012, số công chứng 5263 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 3513, ngày 16/8/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Chủ DNTN H đã không thực hiện đúng cam kết thanh toán dẫn đến phát sinh nợ quá hạn mặc dù đã nhiều lần liên hệ cũng như trực tiếp xuống làm việc nhưng đến nay người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Văn M – Chủ DNTN H vẫn chưa giải quyết khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng E.

Ngày 09/10/2014, Ngân hàng E đã nộp đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Văn M – Chủ DNTN H thanh toán toàn bộ nợ gốc còn lại và lãi phát sinh (tạm tính đến ngày 14/12/2015) với số tiền 3.779.116.322đ. Lãi tiếp tục tính cho đến khi DNTN H trả xong nợ.

Ngày 12/8/2015, Ngân hàng E đã bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (gọi tắt là VAMC) theo Hợp đồng mua bán nợ số 13174/2015/MBN.VAMC2 – E nên VAMC trở thành nguyên đơn trong vụ án và có Hợp đồng ủy quyền số 13175/2015/UQ.VAMC2-E ngày 12/8/2015 cho Ngân hàng E được thay mặt VAMC thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng mua bán nợ này. Ngày 24/3/2021, Ngân hàng E đã mua lại toàn bộ khoản nợ của DNTN H từ VAMC theo Hợp đồng mua bán nợ số 111/2021/BN.VAMC-E nên hiện nay Ngân hàng E là nguyên đơn trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết, ông Đinh Văn M chết nên Ngân hàng E khởi kiện yêu cầu:

Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Văn M – Chủ DNTN H, bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng P, ông Đinh Hồng Đ và bà Đinh Thị Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng E số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/12/2018 là 5.291.301.972đ. Trong đó, nợ gốc là 2.969.780.000đ, nợ lãi trong hạn là 87.667.846đ và lãi quá hạn là 2.233.854.126đ.

Trường hợp, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Văn M – Chủ DNTN H, bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng P, ông Đinh Hồng Đ và bà Đinh Thị Thanh T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng E được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp nêu trên.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đinh Văn M - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H do ông Võ Khắc C là người đại diện theo uỷ quyền trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Ông Đinh Văn M – Chủ DNTN H có vay của Ngân hàng E số tiền nợ gốc 2.969.780.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201203643 ngày 06/8/2012 và Biên bản sửa đổi bổ sung số 01 ngày 11/9/2013.

Khi vay, ông M có đem tài sản của mình là QSDĐ diện tích 700m² thuộc thửa số 1732, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số AC 816931 do Ủy ban nhân dân huyện B (viết tắt là UBND huyện B) cấp cho ông Đinh Văn M ngày 27/11/2009 để thế chấp cho Ngân hàng E theo Hợp đồng thế chấp số 391/EIB SGD1-TDDN/BLTS/2012 ngày 15/8/2012 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An ngày 16/8/2012 và Biên bản sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 11/9/2013, đăng ký giao dịch bảo đảm số 3512 ngày 16/8/2012 tại Văn phòng đăng ký QSDĐ huyện B. Ông M đồng ý tiếp tục hợp đồng thế chấp này để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M đồng ý trả số tiền nợ gốc 2.969.780.000đ và phần tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 29/12/2018 (ngày ông Đinh Văn M chết) với mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định theo bảng chiết tính được nộp kèm với tổng số tiền là 4.490.457.643đ (4.594.236.092đ – 103.778.458đ) và đề nghị Ngân hàng giảm thêm phần tiền lãi quá hạn cho bị đơn 500.000.000đ. Đồng thời đề nghị Ngân hàng tính lại phần lãi suất này cho phù hợp với điều khoản của Hợp đồng tín dụng mà hai bên có thỏa thuận sẽ điều tiết lãi suất theo quy định của pháp luật Ngân hàng về việc lãi suất cho vay theo từng thời điểm. Trường hợp Ngân hàng E thống nhất với phương án trả nợ gốc và nợ lãi mà những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M đề nghị thì sẽ đồng ý giao toàn bộ tài sản của ông M cho Ngân hàng E để Ngân hàng phát mãi và thu hồi nợ. Nếu các tài sản của ông M không đủ để Ngân hàng thu hồi nợ thì những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M đồng ý giao các tài sản thế chấp khác để phát mãi trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Hồng N do ông Võ Khắc C là người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà N có ký tên vào Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 391/EIBSGD1 – TDDN/TCTS/2012 ngày 16/8/2012, Biên bản sửa đổi bổ sung số 01 ngày 11/9/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An ngày 16/8/2012, số công chứng 5261 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 3512, ngày 16/8/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B để bảo đảm khoản vay của DNTN H tại một phần Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-20123643 ngày 06/8/2012.

Tài sản thế chấp là QSDĐ diện tích 700m² thuộc thửa số 1732, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số AC 816931 do UBND huyện B cấp ngày 27/11/2009 cho ông Đinh Văn M.

Qua đơn khởi kiện và tìm hiểu Hợp đồng tín dụng số 200-LAV-20123643 ngày 06/8/2012 tại Điều 7 của hợp đồng về tài sản bảo đảm có dẫn chiếu 03 (ba) hợp đồng thế chấp tài sản số 391, 392, 393 EIBSGD1-TĐN/TCTS/2012 đều được ký ngày 16/8/2012. Đây là hành vi lừa dối, không trung thực, không thực tế và không có thật vì Hợp đồng tín dụng ký ngày 06/8/2012 thì không thể nào biết trước được ngày ký hợp đồng đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An ngày 16/8/2012 nên bà Nhụy đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 200-LAV-20123643 ngày 06/8/2012 giữa Ngân hàng và DNTN H vô hiệu và không đồng ý bảo lãnh nghĩa vụ cho Hợp đồng tín dụng này. Tại phiên toà sơ thẩm, bà N tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Hồng P, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Ngọc N1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Ông và bà N1 có ký tên vào Hợp đồng thế chấp QSDĐ, tài sản gắn liền với Đất số 392/EIBSGD1 – TDDN/BLTS/2012 ngày 16/8/2012, Biên bản sửa đổi bổ sung số 01 ngày 11/9/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An ngày 16/8/2012, số công chứng 5258 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 3515 ngày 16/8/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B để bảo đảm khoản vay của DNTN H tại một phần Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-20123643 ngày 06/8/2012.

Tài sản thế chấp là QSDĐ diện tích 512m² tại thửa số 429, tờ bản đồ số 3 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà có diện tích xây dựng 58,1m² tọa lạc tại số 270 P, khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Qua đơn khởi kiện và tìm hiểu Hợp đồng tín dụng số 200-LAV-20123643 ngày 06/8/2012 tại Điều 7 của Hợp đồng về tài sản bảo đảm có dẫn chiếu 03 (ba) Hợp đồng thế chấp tài sản số 391, 392, 393 EIBSGD1-TĐN/TCTS/2012 đều được ký ngày 16/8/2012. Đây là hành vi lừa dối, không trung thực, không thực tế và không có thật vì Hợp đồng tín dụng ký ngày 06/8/2012 thì không thể nào biết trước được ngày ký hợp đồng đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An ngày 16/8/2012 nên ông và bà N1 đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 200-LAV-

20123643 ngày 06/8/2012 giữa Ngân hàng và DNTN H vô hiệu và không đồng ý bảo lãnh nghĩa vụ cho Hợp đồng tín dụng này. Đồng thời, ông P còn có Đơn yêu cầu độc lập về việc vô hiệu Hợp đồng mua bán nợ số 13174/2015/MBN.VAMC2 – E ngày 12/8/2015 giữa VAMC và Ngân hàng E với lý do Hợp đồng mua bán nợ này vi phạm điều cấm của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Hồng Đ và bà Đặng Thị Châu P1 do ông Võ Khắc C là người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Ông Đ và bà P1 có ký tên vào Hợp đồng thế chấp QSDĐ (hợp đồng bảo lãnh) số 393/EIBSGD1 – TDDN/BLTS/12 ngày 16/8/2012, Biên bản sửa đổi bổ sung số 01 ngày 11/9/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An ngày 16/8/2012, số công chứng: 5263 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 3513, ngày 16/8/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B để bảo đảm khoản vay của DNTN H tại Hợp đồng tín dụng số: Một phần Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-20123643 ngày 06/8/2012.

Tài sản thế chấp là QSDĐ diện tích 353,8m² tại thửa số 20, tờ bản đồ số 119 tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số BD 346879 do UBND huyện B cấp ngày 20/12/2010 cho ông Đinh Hồng Đ.

Qua đơn khởi kiện và tìm hiểu Hợp đồng tín dụng số 200-LAV-20123643 ngày 06/8/2012 tại Điều 7 của Hợp đồng về tài sản bảo đảm có dẫn chiếu 03(ba) hợp đồng thế chấp tài sản số 391, 392, 393 EIBSGD1-TĐN/TCTS/2012 đều được ký ngày 16/8/2012. Đây là hành vi lừa dối, không trung thực, không thực tế và không có thật vì Hợp đồng tín dụng ký ngày 06/8/2012 thì không thể nào biết trước được ngày ký hợp đồng đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An ngày 16/8/2012 nên ông Đ và bà P1 đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 200-LAV-20123643 ngày 06/8/2012 giữa Ngân hàng và DNTN H và không đồng ý bảo lãnh nghĩa vụ cho Hợp đồng tín dụng này. Bà P1 còn có đơn yêu cầu vô hiệu Hợp đồng thế chấp phần bảo lãnh số 393/EIBSGD1-TDDN/BLTS12 ngày 16/8/2012 và vô hiệu văn bản công chứng số 5263 quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An. Tại phiên toà sơ thẩm, ông Đ và chị P1 tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện B đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng E đối với bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Đinh Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H, bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng P, ông Đinh Hồng Đ và bà Đinh Thị Thanh T về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

2. Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Đinh Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H, bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng P, ông Đinh Hồng Đ và bà Đinh Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng E số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/12/2018 là 5.291.301.972đ.

Trong đó, nợ gốc là: 2.969.780.000đ; Nợ lãi trong hạn là: 87.667.846đ, lãi quá hạn là 2.233.854.126đ trong phạm vi di sản thừa kế của ông Đinh Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H chết để lại.

Trường hợp, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H, bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng P, ông Đinh Hồng Đ và bà Đinh Thị Thanh T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng E được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mãi các tài sản thế chấp QSDĐ để đảm bảo cho khoản nợ nêu trên gồm: QSDĐ 700m² đất tại thửa số 1732, tờ bản đồ số 3, khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An do ông Đinh Văn M và bà Phạm Hồng N làm chủ sở hữu; QSDĐ 512 m² đất tại thửa số 429, tờ bản đồ số 3 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà có diện tích xây dựng 58,1m² tọa lạc tại 270 Đường P, khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An do ông Đinh Hồng P, bà Hồ Thị Ngọc N1 làm chủ sở hữu và QSDĐ 353,m² đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 119, khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An do ông Đinh Hồng Đ, bà Đặng Thị Châu P1 làm chủ sở hữu.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của bà Phạm Hồng N về việc yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng tín dụng số 2000 – LAV – 201203643 ngày 06/8/2012.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của ông Đinh Hồng Đ, bà Đặng Thị Châu P1 về việc yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng tín dụng số 2000 – LAV – 201203643 ngày 06/8/2012.

5. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị Châu P1 về việc yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng thế chấp QSDĐ, tài sản gắn liền với đất số 393/EIBSGD1 – TDDN/BLTS/2012 ngày 16/8/2012 và vô hiệu văn bản công chứng số 5263 quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An.

6. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đinh Hồng P, bà Hồ Thị Ngọc N1 về việc yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng tín dụng số 2000 – LAV – 201203643 ngày 06/08/2012.

7. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đinh Hồng P về việc yêu cầu vô hiệu Hợp đồng mua bán nợ số 13174/2015/MBN.VAMC2 – E ngày 12/8/2015 giữa VAMC và Ngân hàng E.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 12, 13/12/2022, Tòa án nhân dân huyện B nhận được đơn kháng của bà Phạm Thị Hồng N, ông Đinh Hồng Đ, ông Đinh Hồng P là người thừa kế quyền và nghĩa vụ bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lại tiền lãi suất của hợp đồng tín dụng và án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Võ Khắc Chính là người đại diện theo uỷ quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Văn M là bà Phạm Thị Hồng N, ông Đinh Hồng Đ trình bày: Bà N và ông Đ kháng cáo đề nghị xem xét tính lại lãi suất của Hợp đồng tín dụng đúng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời điểm và tính lãi suất thay đổi theo định kỳ ba tháng một lần theo thoả thuận trong hợp đồng. Đồng thời miễn án phí do ông M là người cao tuổi.

Ông Đinh Hồng P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông kháng cáo yêu cầu huỷ án sơ thẩm do yêu cầu độc lập của ông chưa được thụ lý giải quyết nhưng Toà sơ thẩm lại tuyên bác yêu cầu của ông và không đưa VAMC vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

- Đối với yêu cầu kháng cáo về xem xét tính lại lãi suất của Hợp đồng tín dụng đúng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời điểm và tính lãi suất thay đổi theo định kỳ ba tháng một lần theo thoả thuận trong hợp đồng: Xét thấy, thoả thuận theo Hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, đúng pháp luật. Tuy nhiên tại Điều 5 Hợp đồng tín dụng quy định “lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần...” nhưng trong biên bản sửa đổi, bổ sung ngày 11/9/2013 thì các bên đều không có yêu cầu thoả thuận việc giảm lãi suất, trong suốt quá trình vay nợ và khi khởi kiện thì phía bị đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn không yêu cầu tính lãi. Như vậy giữa các bên không có thoả thuận điều chỉnh lãi suất nên bản tổng hợp và chiết tính lãi vay do Ngân hàng E cung cấp là phù hợp nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này.

- Đối với kháng cáo đề nghị miễn án phí do tại thời điểm xét xử sơ thẩm ông M là người cao tuổi: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326 thì những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M không được miễn án phí, nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này.

- Đối với kháng cáo yêu cầu huỷ án sơ thẩm do yêu cầu độc lập của ông P chưa được thụ lý giải quyết và không đưa VAMC vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Mặc dù Toà sơ thẩm có thiếu sót về

thủ tục nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã xem xét và bác yêu cầu của ông P là phù hợp nên không cần thiết phải huỷ án sơ thẩm vì lý do này. Về việc không đưa VAMC vào tham gia tố tụng: Xét thấy, Ngân hàng E đã mua khoản nợ của DNTN H từ VAMC nên không cần thiết phải triệu tập VAMC tham gia tố tụng là phù hợp nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo này của ông P.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2] Bà Đinh Hồng N và ông Đinh Hồng Đ kháng cáo đề nghị xem xét tính lại lãi suất của Hợp đồng tín dụng đúng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời điểm và tính lãi suất thay đổi theo định kỳ ba tháng một lần theo thoả thuận trong hợp đồng. Đồng thời miễn án phí do ông M là người cao tuổi. Ông Đinh Hồng P kháng cáo yêu cầu huỷ án sơ thẩm do yêu cầu độc lập của ông chưa được thụ lý giải quyết nhưng Tòa sơ thẩm lại tuyên bác yêu cầu của ông và không đưa VAMC vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Đối với kháng cáo của bà N và ông Đ về lãi suất, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đều xác định có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2000 – LAV – 201203643 ngày 06/8/2012 và Biên bản sửa đổi bổ sung số 01 vào ngày 11/9/2013 để vay số tiền 3.000.000.000đ, việc ký kết hợp đồng tín dụng và biên bản sửa đổi bổ sung là tự nguyện, không ai ép buộc và không trái quy định pháp luật. Tại Biên bản sửa đổi bổ sung số 01 ngày 11/9/2013 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng thì các bên không thoả thuận điều chỉnh, giảm lãi suất. Lãi suất theo Bảng tổng hợp và chiết tính lãi vay tính đến ngày 29/12/2018 của Ngân hàng E cung cấp là phù hợp với sự thoả thuận của các bên, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng nhà nước. Do đó không chấp nhận kháng cáo này của bà N và ông Đ.

[4] Đối với kháng cáo của bà N và ông Đ về miễn án phí sơ thẩm do ông M là người cao tuổi, thấy rằng: Mặc dù ông M là người cao tuổi nhưng do Ngân hàng E khởi kiện ông M với tư cách là Chủ DNTN H chứ không phải khởi kiện ông M với tư cách cá nhân nên không thể áp dụng Điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí cho ông M. Do đó không chấp nhận kháng cáo này của bà N và ông Đ.

[5] Đối với kháng cáo của ông P yêu cầu huỷ án sơ thẩm do yêu cầu độc lập của ông về việc tuyên vô hiệu Hợp đồng mua bán nợ giữa Ngân hàng E với VAMC chưa được Tòa án thụ lý nhưng bản án lại tuyên giải quyết bác yêu cầu của ông và do Tòa sơ thẩm không đưa VAMC vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Thấy rằng:

[6] Ngày 28/10/2022, ông P có đơn yêu cầu độc lập, cùng ngày Tòa sơ thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử mà không tiến hành hoà giải, công khai chứng cứ (vụ án không thuộc trường hợp không được hoà giải) là có sai sót về trình tự thủ tục. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, ông P đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên yêu cầu độc lập và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét giải quyết yêu cầu của ông. Mặt khác, xét thấy việc mua bán nợ giữa VAMC và Ngân hàng E theo Hợp đồng mua bán nợ số 13174/2015/MBN.VAMC2 – E ngày 12/8/2015 là không trái với quy định của pháp luật và đủ điều kiện mua bán nợ theo quy định của Thông tư 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước nên Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông P về việc vô hiệu hợp đồng mua bán nợ này là phù hợp. Do đó, mặc dù Tòa sơ thẩm có sai sót về trình tự thủ tục, nhưng yêu cầu độc lập của ông cũng đã được xem xét giải quyết và việc huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại cũng không làm thay đổi bản chất vụ án do đó không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm vì lý do này.

[7] Việc Tòa sơ thẩm không triệu tập VAMC tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, thấy rằng: Ngày 09/10/2014, Ngân hàng E khởi kiện ông M – DNTN H về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ngày 12/8/2015, Ngân hàng E bán nợ của DNTN H cho VAMC và VAMC có Hợp đồng uỷ quyền cho Ngân hàng E được thay mặt VAMC để thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng mua bán nợ. Ngày 24/3/2021, VAMC bán nợ lại cho Ngân hàng E nên Tòa sơ thẩm xác định Ngân hàng E là nguyên đơn trong vụ án. Đồng thời như đã nhận định tại đoạn [6] thì việc mua bán nợ giữa VAMC với Ngân hàng E là phù hợp với quy định pháp luật. Việc mua bán nợ này cũng không ảnh hưởng, không làm thay đổi quyền lợi, nghĩa vụ của ông M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông M, trong đó có ông P. Do đó không chấp nhận kháng cáo này của ông P.

[8] Từ những nhận định trên, xét thấy bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng Đ và ông Đinh Hồng P kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ gì mới để xem xét nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà N, ông Đ và ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[10] Về án phí phúc thẩm: Bà N, ông Đ và ông P mỗi người phải chịu 2.000.000đ án phí dân sự phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng P và ông Đinh Hồng Đ.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B.

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 148, 157, 161, 217, 218 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 118, 119, 292, 298, 299, 335, 336, 339, 340, 342, 351, 357, 422, 614 và 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26, 29 và 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng E về tranh chấp hợp đồng tín dụng, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại đối với bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Đinh Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H, bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng P, ông Đinh Hồng Đ và bà Đinh Thị Thanh T.

Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đinh Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H, bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng P, ông Đinh Hồng Đ và bà Đinh Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng E số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/12/2018 là 5.291.301.972đ (năm tỷ, hai trăm chín mươi một triệu, ba trăm lẻ một nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 2.969.780.000đ (hai tỷ, chín trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 87.667.846đ (tám mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 2.233.854.126đ (hai tỷ, hai trăm ba mươi ba triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm hai mươi sáu đồng) trong phạm vi di sản thừa kế của ông Đinh Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H chết để lại.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/11/2022, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H, bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng P, ông Đinh Hồng Đ và bà Đinh Thị Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2000 – LAV –

201203643 ngày 06/8/2012 và Biên bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01 ngày 11/9/2013 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

Trường hợp người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H, bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng P, ông Đinh Hồng Đ và bà Đinh Thị Thanh T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng E được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mãi các tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ nêu trên gồm:

- Phần đất diện tích 700m² thuộc thửa số 1732, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An do ông Đinh Văn M và bà Phạm Hồng N làm chủ sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 391/EIBSGD1-TDDN/TCTS/2012 ngày 16/8/2012, Biên bản sửa đổi bổ sung số 01 ngày 11/9/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An ngày 16/8/2012, số công chứng 5261 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 3512, ngày 16/8/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B;

- Phần đất diện tích 512m² thuộc thửa số 429, tờ bản đồ số 3 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà có diện tích xây dựng 58,1m², tọa lạc tại số 270 Đường P, khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (số cũ là số 58/5 ấp X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An) do ông Đinh Hồng P và bà Hồ Thị Ngọc N1 làm chủ sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 392/EIBSGD1-TDDN/BLTS/2012 ngày 16/8/2012, Biên bản sửa đổi bổ sung số 01 ngày 11/9/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An ngày 16/8/2012, số công chứng 5258 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 3515 ngày 16/8/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B;

- Phần đất diện tích 353,8m² thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 119, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long do ông Đinh Hồng Đ và bà Đặng Thị Châu P1 làm chủ sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (hợp đồng bảo lãnh) số 393/EIBSGD1-TDDN/BLTS/12 ngày 16/8/2012, Biên bản sửa đổi bổ sung số 01 ngày 11/9/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An ngày 16/8/2012, số công chứng 5263 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 3513, ngày 16/8/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Hồng N về việc yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng tín dụng số 2000 – LAV – 201203643 ngày 06/8/2012.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Hồng Đ và bà Đặng Thị Châu P1 về việc yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng tín dụng số 2000 – LAV – 201203643 ngày 06/8/2012.

5. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Châu P1 về việc yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 393/EIBSGD1-TDDN/BLTS/2012 ngày 16/8/2012 và vô hiệu văn bản công chứng số 5263 quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An.

6. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan ông Đinh Hồng P và bà Hồ Thị Ngọc N1 về việc yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng tín dụng số 2000 – LAV – 201203643 ngày 06/8/2012.

7. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Hồng P về việc yêu cầu vô hiệu Hợp đồng mua bán nợ số 13174/2015/MBN.VAMC2-E ngày 12/8/2015 giữa Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) và Ngân hàng E.

8. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tổng cộng là 6.000.000đ (sáu triệu đồng): Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H, bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng P, ông Đinh Hồng Đ và bà Đinh Thị Thanh T phải chịu. Do Ngân hàng E đã nộp tạm ứng nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M, bà N, ông P, ông Đ và bà T phải hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng E.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Chi phí giám định chữ ký, chữ viết tổng cộng là 11.050.000đ (mười một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng): Buộc bà Đặng Thị Châu P1 phải chịu, bà P đã nộp xong.

9. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H, bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng P, ông Đinh Hồng Đ và bà Đinh Thị Thanh T phải chịu 113.291.302đ (một trăm mười ba triệu hai trăm chín mươi một ngàn ba trăm lẻ hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch.

- Ngân hàng E không phải chịu. Hoàn trả 48.611.000đ (bốn mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng E đã nộp theo Biên lai thu số 0001938 ngày 16/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

- Buộc ông Đinh Hồng P phải chịu 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự không có giá ngạch. Khấu trừ 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002411 ngày 13/7/2015 và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012295 ngày 02/11/2022, ông P đã nộp xong.

- Buộc bà Hồ Thị Ngọc N1 phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự không có giá ngạch. Khấu trừ

200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002409 ngày 13/7/2015, bà N1 đã nộp xong.

- Hoàn trả cho bà Phạm Hồng N 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0002410 ngày 13/7/2015.

- Hoàn trả cho ông Đinh Hồng Đ 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0002408 ngày 13/7/2015.

- Hoàn trả cho bà Đặng Thị Châu P1 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo Biên lai thu số 0002407 ngày 13/7/2015 và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo Biên lai thu số 0005792 ngày 19/10/2017.

10. Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Phạm Hồng N, ông Đinh Hồng Đ và ông Đinh Hồng P mỗi người phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí dân sự phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại. Khấu trừ 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí mà bà N, ông Đ và ông P mỗi người đã nộp theo các Biên lai thu số 0012434, 0012435 ngày 13/12/2022 và 0009647 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, bà N, ông Đ và ông P đã nộp xong.

11. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

12. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc